

Số: 260/BC-STP

Kon Tum, ngày 22 tháng 10 năm 2018

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KON TUM

ĐẾN

Số: MS 8 2

Ngày: 23/10/18

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum nhận được Công văn số 2798/STC-QLGCS, ngày 11/10/2018 của Sở Tài chính đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: "Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum". Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Thẩm định ban hành

Khoản 5, Điều 8 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 36/2018/TT-BTC) quy định: "Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp để thực hiện ở địa phương".

Căn cứ quy định nêu trên, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định cụ thể mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 27 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh: Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết đã đầy đủ, bao quát, phù hợp với các nội dung khác được dự kiến trong dự thảo Nghị quyết.

2.2. Đối tượng áp dụng: Theo dự kiến, mức chi được quy định trong Nghị quyết không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ hoặc học đại học văn bằng 2. Mức chi đối với cán bộ, công chức, viên chức đào tạo trình độ thạc sỹ, tiến sỹ hoặc học đại học văn bằng 2 được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (đoạn cuối khoản 2 Điều 1 dự thảo). Sở Tư pháp nhận thấy, quy định trên là không phù hợp với quy định tại

khoản 5 Điều 8 Thông tư số 36/2018/TT-BTC. Theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 36/2018/TT-BTC thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức để thực hiện ở địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không có thẩm quyền này. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại quy định giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức trong một số trường hợp.

Thông báo Hội nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 955-TB/TU ngày 28 tháng 4 năm 2017 có nêu: “*Từ nay trở đi, cán bộ, công chức, viên chức đi học các lớp về chuyên môn, nghiệp vụ trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và tương đương hoặc học đại học văn bằng hai phải tự túc hoàn toàn kinh phí phục vụ việc học tập, nghiên cứu...*”. Sở Tư pháp nhận thấy, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức vẫn cho phép cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học khi người được cử đi đào tạo đáp ứng một số điều kiện đã được Chính phủ quy định (Điều 6, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP) và người được cử đi đào tạo sau đại học vẫn được hỗ trợ từ nguồn kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng từ ngân sách Nhà nước (khoản 2 Điều 2; khoản 2 Điều 3 Thông tư số 36/2018/TT-BTC). Vì vậy, đề nghị Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung này để có hướng xử lý nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa quy định của pháp luật và chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Cũng theo dự kiến tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết thì đối tượng áp dụng của Nghị quyết là đối tượng được quy định tại Điều 1 Thông tư số 36/2018/TT-BTC. Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy đối tượng áp dụng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 36/2018/TT-BTC còn có: “*Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương*” (điểm b, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 36/2018/TT-BTC); “*Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang*” (điểm c, khoản 2 Điều 1 Thông tư số 36/2018/TT-BTC). Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức; Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì chính quyền địa phương không quản lý đối với các đối tượng nêu trên. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với đối tượng là: “*Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương*”; “*Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang*”. Trường hợp không có cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn đề nghị loại bỏ.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo trong hệ thống pháp luật.

3.1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại đối tượng điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết với lý do đã được nêu tại điểm 2.2 mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Tại căn cứ pháp lý được sử dụng để ban hành Nghị quyết thứ (căn cứ thứ 4) đề nghị biên tập lại như sau cho chính xác, đúng quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*”.

3.3. Tiết b, điểm 1.1 khoản 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị quy định cụ thể là thủ trưởng cơ quan, đơn vị **trực tiếp quản lý cán bộ, công chức** quyết định mức chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc cho đối tượng được cử đi đào tạo. Biên tập lại như sau: “*Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: Căn cứ khả năng ngân sách được giao, căn cứ vào chứng từ, hóa đơn hợp pháp thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, công chức quyết định mức chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc cho đối tượng được cử đi đào tạo*”.

3.4. Dấu cộng (+) thứ hai tiết c, điểm 1.1, khoản 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị biên tập lại như sau cho đầy đủ, phù hợp với điểm đ, khoản 2 Điều 2 Thông tư số 36/2018/TT-BTC: “*Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, tổ dân phố:...*”

3.5. Gạch đầu dòng (-) thứ nhất tiết đ, điểm 1.1, khoản 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định việc hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ được tính theo “*đêm*”. Tuy nhiên, để cho dễ hiểu, thuận tiện cho việc tính tiền hỗ trợ cũng như để thống nhất với gạch đầu dòng (-) thứ 2 của tiết đ, điểm 1.1, khoản 1 Điều 2 dự thảo đề nghị quy định việc hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ được tính theo “*ngày*”.

3.6. Tại tiết e, điểm 1.1, khoản 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định chi hỗ trợ cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, việc quy định như dự thảo có thể dẫn tới cách hiểu cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số khi được cơ quan, người có thẩm quyền cử đi đào tạo chỉ được hưởng mức chi quy định tại tiết e, điểm 1.1, khoản 1, Điều 2 dự thảo. Vì vậy, để tránh cách hiểu như trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, biên tập lại tiết e, điểm 1.1, khoản 1, Điều 2 dự thảo. Có thể biên tập theo hướng sau: “*Ngoài mức chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này, cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo còn được hỗ trợ theo mức sau:...*”. Bên cạnh đó, tại dấu cộng (+) thứ hai của gạch đầu dòng (-) thứ nhất tiết e, điểm 1.1, khoản 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị biên tập lại như sau cho đầy đủ: “*Cán bộ, công chức là nữ người dân tộc thiểu số:...*”. Đề nghị bỏ giải thích tại tại dấu cộng (+) thứ hai của gạch đầu dòng (-) thứ nhất và tại gạch đầu dòng (-) thứ hai của tiết e, điểm 1.1, khoản 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết vì không cần thiết (Nội dung: Đối với cán bộ công chức nữ: 200.000

đồng/người/tháng; cán bộ công chức nữ dân tộc thiểu số: 300.000 đồng/người/tháng).

Sở Tư pháp cũng nhận thấy, tiết e, điểm 1.1, khoản 1, Điều 2 dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mức chi hỗ trợ đối với nữ là người dân tộc thiểu số mà chưa quy định mức chi hỗ trợ cụ thể đối với cán bộ, công chức là nam và là người dân tộc thiểu số khi được cử đi đào tạo. Việc chưa dự kiến mức chi cụ thể đối với cán bộ, công chức là nam và là người dân tộc thiểu số khi được cử đi đào tạo là chưa phù hợp với quy định định tại điểm e, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC và chưa phù hợp với tiêu đề của tiết e, điểm 1.1, khoản 1, Điều 2 dự thảo. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung.

3.7. Theo dự kiến tại tiết a, điểm 1.2, khoản 1 Điều 2 dự thảo, mức chi thù lao đối với giảng viên, báo cáo viên của các khóa bồi dưỡng là mức chi tối đa. Tuy nhiên, Thông tư số 36/2018/TT-BTC giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức cụ thể (không giao Hội đồng nhân dân quy định mức chi tối đa). Vì vậy, đề nghị Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức chi thù lao của giảng viên, báo cáo viên là mức chi cụ thể. Dự thảo còn dự kiến việc quyết định mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên vừa được căn cứ vào chức vụ quản lý của giảng viên, báo cáo viên vừa được căn cứ vào chức danh, trình độ của giảng viên, báo cáo viên là không phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC. Bên cạnh đó, việc dự kiến mức chi thù lao đối với giảng viên, báo cáo viên theo chức danh trong dự thảo cũng chưa thật sự phù hợp. Ví dụ: Mức chi thù lao tối đa đối với “chuyên gia cao cấp” là 1.800.000 người/buổi (dấu cộng (+) thứ hai, tiết a, điểm 1.2, khoản 1 Điều 2 dự thảo). Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định của pháp luật về tiêu chuẩn của “chuyên gia cao cấp”, việc công nhận “chuyên gia cao cấp”; dự kiến mức chi thù lao tối đa đối với “giảng viên chính” là 1.500.000 đồng/người/buổi. Tuy nhiên, mức chi đối với “giảng viên cao cấp” chưa được dự kiến. Như vậy, trường hợp giảng viên cao cấp không giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý như Bộ trưởng; Bí thư tỉnh ủy, Thứ trưởng, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân... sẽ chi mức thù lao như đối với giảng viên, báo cáo viên là cán bộ công chức công tác tại các cơ quan trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện (tùy thuộc vào đơn vị công tác của giảng viên). Việc chi trả này là không hợp lý.

Từ những lý do trên, đề nghị Sở Tài chính căn cứ vào “chất lượng, trình độ” của giảng viên, báo cáo viên đã được quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức thù lao đối với giảng viên, báo cáo viên. Cũng liên quan tới thù lao báo cáo viên, tại dấu cộng (+) thứ bảy tiết a, điểm 1.2, khoản 1 Điều 2 dự thảo quy định: “...Trường hợp các giảng viên này được mời tham gia giảng dạy tại các lớp học do các cơ sở đào tạo khác tổ chức thì vẫn được hưởng chế độ thù lao giảng viên theo khung mức chi trả thù lao quy định

nêu trên”. Việc chi trả thù lao theo “*khung mức*” là không cụ thể, khó thực hiện. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại quy định này.

3.8. Về chi phí đưa đón giảng viên (*tiết c, điểm 1.2, Khoản 1, Điều 2 dự thảo*) đề nghị sửa thành: “*Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại cho giảng viên, trợ giảng (nếu có)*” cho phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 4 và điểm c, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

3.9. Thông tư số 36/2018/TT-BTC không quy định mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi bồi dưỡng. Tuy nhiên Sở Tài chính dự kiến tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi này. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc, đánh giá tác động của quy định này. Trên cơ sở đó căn cứ khả năng ngân sách của địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (*tiết k, điểm 1.2 khoản 1, Điều 2 dự thảo*). Khi quyết định tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi bồi dưỡng đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo lưu ý điều chỉnh lại một số nội dung như đã được trình bày tại điểm 3.5 mục 3 Báo cáo này.

3.10. Tại tiết n, điểm 1.2 khoản 1, Điều 2 dự thảo đề nghị biên tập lại như sau: “*Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng: Thực hiện theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp*”. Lý do: Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/06/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp đã được thay thế bởi Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp (có hiệu lực từ ngày 03/10/2018).

3.11. Đề nghị bỏ quy định: “*Các nội dung chi, mức chi không quy định tại Nghị quyết này thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính*” tại tiết p, điểm 1.2 khoản 1, Điều 2 dự thảo vì nội dung này đã được quy định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

3.12. Đề nghị loại bỏ nội dung được quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 2 dự thảo vì đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 36/2018/TT-BTC.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

4.1. Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết chưa được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và mẫu số 16, Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để trình bày văn bản đúng quy định. Theo quan điểm của Sở Tư pháp dự thảo nên biên tập theo hướng sau:

"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

1. Mức chi đào tạo cán bộ, công chức trong nước

a).....

b).....

2. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước

a)...

b)...

3. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm.../.. "

4.2. Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức thì công chức và cán bộ là các khái niệm khác nhau. Vì vậy, đề nghị khi sử dụng khái niệm cán bộ, công chức, cơ quan chủ trì soạn thảo cần viết đúng là: "*cán bộ, công chức*" (dự thảo viết: "*cán bộ công chức*"). Thứ tự các khoản trong Điều đề nghị sử dụng chữ số

Ả rập (1,2,3...); thứ tự các điểm trong khoản đề nghị các chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt (a, b,...).

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Sở Tài chính đã chủ trì, phối hợp tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan; phối hợp đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 119, Điều 120 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

7. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo Điều 122 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định hoặc giải trình (*trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định*). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo văn bản đã được chỉnh lý tới Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại khoản 5, Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Kính gửi Sở Tài chính theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, XD&KT,VB/STP.



